

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Ngô Thế Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Bùi Quốc Bảo	Tổng giám đốc
Ông Trần Quang Tâm	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Huy	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/03/2017)
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI



Bùi Quốc Bảo

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

Số: 31 -18/BC-TC/BKTTC-VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/01/2018, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

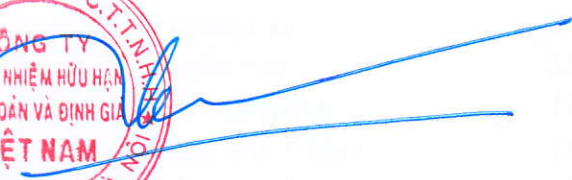
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1



Nguyễn Vũ Huy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.493.683.513	70.023.073.249
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	7.854.567.730	1.118.265.347
1 Tiền	111		2.854.567.730	1.118.265.347
2 Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.482.952.269	32.482.687.002
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	164.650.800.297	164.861.962.715
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.782.230.827	151.513.480
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	9.325.551.172	8.945.121.597
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(141.275.630.027)	(141.475.910.790)
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	58.244.881.635	35.510.839.021
1 Hàng tồn kho	141		58.244.881.635	35.510.839.021
V Tài sản ngắn hạn khác	150		911.281.879	911.281.879
1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	911.281.879	911.281.879
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.876.654.487	11.206.577.464
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.000.000.000
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	-	3.000.000.000
II Tài sản cố định	220		12.005.723.922	6.066.577.464
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	12.005.723.922	6.066.577.464
- Nguyên giá	222		70.555.327.449	62.399.552.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.549.603.527)	(56.332.974.985)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	-
- Nguyên giá	228		1.687.186.140	1.687.186.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.687.186.140)	(1.687.186.140)
III Bất động sản đầu tư	230	V.11.	-	-
- Nguyên giá	231		2.374.201.599	2.374.201.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.374.201.599)	(2.374.201.599)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		516.972.232	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		516.972.232	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	20.353.958.333	2.140.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.040.000.000	2.040.000.000
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		100.000.000	100.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		18.213.958.333	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		137.370.338.000	81.229.650.713

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		34.961.370.760	77.122.524.655
I Nợ ngắn hạn	310		34.961.370.760	77.122.524.655
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	6.799.265.047	15.959.445.843
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	1.483.383.742	10.273.009.926
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	759.595.947	789.839.304
4 Phải trả người lao động	314		505.733.281	2.962.654.804
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.094.017.732	3.736.387.726
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	2.999.805.415	2.954.903.437
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	20.170.596.691	40.367.496.857
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		148.972.905	78.786.758
II Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.408.967.240	4.107.126.058
I Vốn chủ sở hữu	410		101.522.044.026	2.876.736.180
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18.	110.000.000.000	43.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.000.000.000	43.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		11.316.500.000	1.413.000.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18.	9.018.312.075	9.018.312.075
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18.	(28.812.768.049)	(51.054.575.895)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(51.054.575.895)	(59.026.255.204)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		22.241.807.846	7.971.679.309
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		886.923.214	1.230.389.878
1 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		886.923.214	1.230.389.878
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		137.370.338.000	81.229.650.713

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	137.625.203.124	187.831.292.745
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	1.920.302.225	1.480.723.952
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		135.704.900.899	186.350.568.793
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	92.202.826.523	135.949.721.865
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.502.074.376	50.400.846.928
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	997.525.267	153.592.882
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	3.058.228.307	4.038.624.308
Chi phí lãi vay	23		3.058.228.307	4.038.624.308
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	7.063.561.655	7.734.029.164
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	12.360.738.205	31.202.091.751
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		22.017.071.476	7.579.694.587
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	224.736.370	391.984.722
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		224.736.370	391.984.722
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.241.807.846	7.971.679.309
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.241.807.846	7.971.679.309
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	3.008,66	1.832,57

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		134.006.626.289	196.210.214.264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(120.751.869.241)	(133.787.579.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.418.393.808)	(22.056.857.817)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.825.104.660)	(3.944.032.900)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.566.451.039	4.064.768.716
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.124.465.408)	(25.204.219.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.546.755.789)	15.282.292.763
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.763.472.232)	(1.767.579.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		56.363.636	244.539.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.213.958.333)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		997.525.267	153.039.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.923.541.662)	(1.370.000.894)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		76.403.500.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		74.899.229.826	130.520.545.390
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.096.129.992)	(147.192.725.931)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		56.206.599.834	(16.680.180.541)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		6.736.302.383	(2.767.888.672)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.118.265.347	3.886.154.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	7.854.567.730	1.118.265.347

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thúy Huyền

Ngô Thế Giang

Bùi Quốc Bảo

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari theo Quyết định số 3216/QĐ-BCN ngày 13/11/2006 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari thành Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 ngày 22/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101925 thay đổi lần thứ 05 ngày 23/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 43.500.000.000 đồng lên thành 110.000.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng; chế tạo động cơ điện máy phát điện các loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các loại máy móc cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Sửa chữa các loại thiết bị kỹ thuật điện; sửa chữa động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị, phụ tùng thiết bị kỹ thuật điện, cơ kim khí; động cơ điện, máy phát điện các loại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn chuyên giao công nghệ chế tạo máy điện;

Trụ sở Công ty tại: Tô 24 - Thị trấn Đông Anh – Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các công ty liên doanh, liên kết**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	Số 495B Tôn Đức Thắng, P.Hoà Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.	Sản xuất công nghiệp	34%	34%	34%
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	Số 652/44 Cộng Hòa, Phường 13, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.	Sản xuất công nghiệp	34%	34%	34%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương;

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu đã quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản	05

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là lợi thế doanh nghiệp; phần mềm thiết kế; hệ thống chất lượng ISO. Các tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể: Lợi thế doanh nghiệp và hệ thống chất lượng ISO được khấu hao trong vòng 7 năm, phần mềm thiết kế được khấu hao trong vòng 6

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Lợi thế doanh nghiệp và hệ thống chất lượng ISO

Nguyên giá của hệ thống chất lượng ISO được mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Hệ thống chất lượng ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

Lợi thế doanh nghiệp được hình thành trong giai đoạn cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Lợi thế doanh nghiệp đã được trích khấu hao hết từ các năm tài chính trước. Lợi thế doanh nghiệp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà	24

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Nhà xưởng mới và lò KCO được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của các công trình này.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản chi phí lãi vay phải trả đối với các hợp đồng vay quy định chi trả lãi vay trả sau và trích trước chi phí khuyến mãi bán hàng. Giá trị lãi vay phải trả ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế và các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo. Chi phí khuyến mãi khách hàng được ghi nhận dựa vào hợp đồng, doanh số bán hàng của từng khách hàng.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán động cơ điện, vật tư; doanh thu sửa chữa, gia công, cho thuê nhà; doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tặng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**18.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền	2.854.567.730	1.118.265.347
Tiền mặt	332.987.808	27.411.411
Tiền gửi ngân hàng	2.521.579.922	1.090.853.936
VND	2.516.165.027	1.079.611.852
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội	7.070.435	7.034.788
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	228.806.985	323.437.299
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	2.280.287.607	749.139.765
USD	5.414.895	11.242.084
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	-	5.518.234
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	5.414.895	5.723.850
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	5.000.000.000	-
Cộng	7.854.567.730	1.118.265.347

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Địa chỉ: Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	18.213.958.333	18.213.958.333	-	-
- Trái phiếu (**)	3.213.958.333	3.213.958.333	-	-
	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, lãi suất 6,5%/năm. Trong đó có hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11.16/DVKH-TGCKH.VND trị giá 3.000.000.000 VND, ký ngày 28/06/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Chương Dương đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 01/17HM/VCB.CD-VIHEM ngày 18/10/2017.

(**) Là trái phiếu của Công ty CP Chứng khoán IB nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Đầu tư Công nghệ giáo dục Hải An theo hợp đồng mua bán số 20171208/HĐMBTP/HAIAN-VIHEM-TP_VIX3 ngày 08/12/2017. Theo đó, Công ty nhận chuyển nhượng 15 trái phiếu với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Trái phiếu được phát hành từ 21/02/2017, ngày đáo hạn là 21/02/2019, kỳ tính lãi đầu tiên bắt đầu từ ngày 21/02/2017 đến 20/08/2017, các kỳ tính lãi tiếp theo định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất được tính cho 2 kỳ đầu tiên là 9,5%/năm. Công ty được hưởng lãi từ kỳ thứ 2 trở đi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.040.000.000	-	2.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 1	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 2	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	100.000.000	-	100.000.000	-
Trường Cao đẳng Tư thực Công nghệ Hà Nội	100.000.000	-	100.000.000	-

Các Công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ.*

Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 1: Mua bán động cơ, máy móc và các nguyên vật liệu.

Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungary 2: Mua bán động cơ, máy móc và các nguyên vật liệu.

Giá trị hợp lý được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017 Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết có lãi do đó Công ty không phải trích lập dự phòng.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	106.348.046.487	106.488.046.487	106.488.046.487
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	15.759.439.543	15.759.439.543	15.759.439.543
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.105.503.040	14.105.503.040	14.130.503.040	14.130.503.040
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.437.811.227	1.939.426.227	28.483.973.645	1.974.706.990
Cộng	164.650.800.297	138.152.415.297	164.861.962.715	138.352.696.060

*b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật quốc tế Huy Khánh	2.308.229.050	-
Công ty CP Cơ khí xây lắp thương mại Minh Cường	1.754.814.397	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	719.187.380	151.513.480
Cộng	4.782.230.827	151.513.480

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	9.325.551.172	3.123.214.730	8.945.121.597	3.123.214.730
Phải thu tiền cho mượn mẫu đúc động cơ, xuất động cơ chạy thử	5.395.926.028	3.123.214.730	5.099.489.393	3.123.214.730
Phải thu tiền cho mượn mẫu đúc động cơ, xuất động cơ chạy thử	1.019.249.743	-	1.220.836.743	-
Phải thu tiền vay chưa nộp về Công ty (Ông Trương Quang Trường)	695.437.920	-	755.437.920	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Xí nghiệp tư nhân Đức Hải	3.123.214.730	3.123.214.730	3.123.214.730	3.123.214.730
Đăng				
Phải thu lãi trái phiếu	431.458.335	-	-	-
Các đối tượng khác	126.565.300	-	-	-
Dư nợ Phải trả khác	3.615.375.125	-	3.592.797.125	-
Nộp tiền thuê đất Công ty Quang Trung	959.020.125	-	936.007.125	-
Tạm ứng tiền cổ tức	2.656.355.000	-	2.656.790.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	-	52.691.579	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	-	-	52.691.579	-
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	50.000.000	-	-	-
Tạm ứng	264.250.019	-	200.143.500	-
Đình Khắc Dũng	52.777.000	-	45.000.000	-
Phan Văn Trường	141.586.019	-	23.399.000	-
Các đối tượng khác	69.887.000	-	131.744.500	-
b) Dài hạn	-	-	3.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ;	-	-	3.000.000.000	-
Cộng	9.325.551.172	3.123.214.730	11.945.121.597	3.123.214.730

6. Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Vật liệu điện Thiên Phong	14.105.503.040	-	14.130.503.040	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Việt	15.759.439.543	-	15.759.439.543	-
Xí nghiệp Cơ khí Quang Trung	1.441.487.879	-	1.441.487.879	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	164.809.855	-	164.809.855	21.775.110
Công ty CP Kim loại màu Ngọc Sơn	106.348.046.487	-	106.488.046.487	-
Đại lý Khánh Hòa	65.801.856	-	65.806.468	-
Các đối tượng khác	288.716.455	21.389.818	387.257.156	62.879.258

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Phải thu khác**

Xí nghiệp tư nhân Đức Hải Đăng	3.123.214.730	-	3.123.214.730	-
Cộng	141.297.019.845	21.389.818	141.560.565.158	84.654.368

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.412.295.210	-	22.556.412.376	-
Công cụ, dụng cụ	225.623.845	-	287.043.467	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.227.847.618	-	1.035.885.046	-
Thành phẩm	17.379.114.962	-	11.631.498.132	-
Cộng	58.244.881.635	-	35.510.839.021	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Công trình Nhà xưởng mới và lò KCO	516.972.232	-
Cộng	516.972.232	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Lợi thế doanh nghiệp	Phần mềm thiết kế	Hệ thống chất lượng ISO	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2017	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Mua trong năm				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư ngày 31/12/2017	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2017	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Khấu hao trong năm				
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư ngày 31/12/2017	251.378.464	1.248.664.818	187.142.858	1.687.186.140
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	-

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.687.186.140 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.687.186.140 VND).

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI
Địa chỉ: Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND
Chi tiêu	Cộng
Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	62.399.552.449
Số dư ngày 01/01/2017	762.361.959
Mua trong năm	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-
Tặng khác	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-
Thanh lý, nhượng bán	(90.725.000)
Giảm khác	-
Số dư ngày 31/12/2017	70.555.327.449
Giá trị hao mòn lũy kế	56.332.974.985
Số dư ngày 01/01/2017	2.307.353.542
Khấu hao trong năm	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-
Thanh lý, nhượng bán	(90.725.000)
Giảm khác	-
Số dư ngày 31/12/2017	58.549.603.527
Giá trị còn lại	6.066.577.464
Tại ngày 01/01/2017	917.910.088
Tại ngày 31/12/2017	674.953.162

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.026.771.607 VND

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Giá trị hao mòn lũy kế	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.374.201.599	-	-	2.374.201.599
Giá trị còn lại	-	-	-	-
Trạm bảo hành và giới thiệu sản phẩm số 255 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	-	-	-	-

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 2.374.201.599 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.374.201.599 VND).

12. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Gia Hưng	31.681.162	31.681.162	3.785.640.503	3.785.640.503
Công ty Cổ phần thép HPSC	-	-	1.743.062.750	1.743.062.750
Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí đúc Phương Thành	2.138.861.773	2.138.861.773	1.578.308.998	1.578.308.998

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	2.288.926.363	2.288.926.363
Công ty TNHH thương mại Thành Niên	1.002.955.239	1.002.955.239	665.318.390	665.318.390
Công ty TNHH Cơ khí Tây Mỗ	739.135.188	739.135.188	180.121.000	180.121.000
Công ty TNHH Ánh Sao	708.537.500	708.537.500	590.456.020	590.456.020
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.178.094.185	2.178.094.185	5.127.611.819	5.127.611.819
Cộng	6.799.265.047	6.799.265.047	15.959.445.843	15.959.445.843

b) *Phải trả người bán là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Đại lý Nguyễn Văn Lợi	-	5.625.059.619
Công ty TNHH Đầu tư Trường Hoa	188.092.722	-
Công ty TNHH Thương mại Hà Việt	536.754.406	-
Các đối tượng khác	758.536.614	4.647.950.307
Cộng	1.483.383.742	10.273.009.926

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	785.409.847	3.253.168.636	3.298.539.260	740.039.223
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.680.295	21.680.295	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.323.950	10.323.950	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.429.457	400.572.355	385.445.088	19.556.724
Thuế tài nguyên	-	319.320	319.320	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.662.613.885	3.662.613.885	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.540.000	1.540.000	-
Cộng	789.839.304	7.354.218.441	7.384.461.798	759.595.947
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	911.281.879	-	-	911.281.879
Cộng	911.281.879	-	-	911.281.879

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Chi phí phải trả	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí khuyến mãi bán hàng	1.085.150.468	1.960.644.109
Chi phí lãi vay phải trả	1.008.867.264	1.775.743.617
Cộng	2.094.017.732	3.736.387.726
16. Phải trả khác	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Bảo hiểm xã hội	339.646.958	277.553.939
Bảo hiểm y tế	50.621.535	47.803.923
Bảo hiểm thất nghiệp	22.407.660	20.966.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.587.129.262	2.608.579.409
- Phải trả cổ tức	483.805.000	483.805.147
+ cổ tức cổ đông Công ty	2.205.000	2.205.000
+ Cổ tức công đoàn Công ty	481.600.000	481.600.147
- Phải trả Nhà nước kinh phí thực hiện Dự án (*)	2.041.203.100	2.041.203.100
- Dự có Phải thu khác	24.800.000	46.250.000
- Các đối tượng khác	37.321.162	37.321.162
Cộng	2.999.805.415	2.954.903.437

(*) Các khoản phải trả từ nguồn vốn dự án tự động hóa và dự án VS chưa có văn bản chính thức của Nhà nước nên Công ty vẫn hạch toán công nợ phải trả và chưa tất toán.

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Địa chỉ: Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm			Đơn vị tính: VND
	01/01/2017	Tăng	Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN	2.400.000.000	53.516.883.908	49.646.814.811	6.270.069.097
Chương Dương (*)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	35.967.496.857	21.382.345.918	43.449.315.181	13.900.527.594
Vay vốn cá nhân (**)				
Cộng	40.367.496.857	74.899.229.826	95.096.129.992	20.170.596.691

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo:

Hợp đồng tín dụng số 01/16/HĐHM/VCB.CD-VIHEM ngày 06/07/2016, hạn mức cho vay 30.000.000.000 VND; lãi suất thay đổi từng theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 01/17/HM/VCB.CD-VIHEM ngày 18/10/2017, hạn mức cho vay 20.000.000.000 VND; thời hạn duy trì hạn mức vay là từ ngày ký hợp đồng đến 31/3/2018; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh động cơ điện. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 11.16/DVKH-TGCKH.VND trị giá 3.000.000.000 VND, ký ngày 28/06/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Chương Dương.

(**) Vay cá nhân bao gồm các hợp đồng vay có thời hạn không quá 01 năm, lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.500.000.000	1.413.000.000	(59.026.255.204)	(14.113.255.204)
Lãi trong năm trước	-	-	7.971.679.309	7.971.679.309
Số dư đầu năm nay	43.500.000.000	1.413.000.000	(51.054.575.895)	(6.141.575.895)
Tăng vốn trong năm nay	66.500.000.000	9.903.500.000	-	76.403.500.000
Lãi trong năm nay	-	-	22.241.807.846	22.241.807.846
Số dư cuối năm nay	110.000.000.000	11.316.500.000	(28.812.768.049)	92.503.731.951

b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	71.907.000.000	14.907.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	38.093.000.000	28.593.000.000
Cộng	110.000.000.000	43.500.000.000

Trong năm, Công ty đã chào bán 6.650.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông chiến lược để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 23/03/2017. Số lượng cổ phiếu đã bán được cho cổ đông chiến lược là 5.700.000 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu còn lại (do cổ đông chiến lược không mua hết) đã bán cho các cá nhân là 950.000 cổ phiếu. Ngày 23 tháng 11 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 05 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 110.000.000.000 VND.

c) Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	110.000.000.000	43.500.000.000
Vốn góp đầu năm	43.500.000.000	43.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	66.500.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	110.000.000.000	43.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	4.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	4.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	4.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	4.350.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.018.312.075	-	-	9.018.312.075
Cộng	9.018.312.075	-	-	9.018.312.075

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	238,91	494,81

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
-----------------	-----------------

a) Doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm, vật tư	125.145.255.977	171.500.309.163
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.479.947.147	16.330.983.582
Cộng	137.625.203.124	187.831.292.745

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
-----------------	-----------------

Hàng bán bị trả lại	1.920.302.225	1.480.723.952
Cộng	1.920.302.225	1.480.723.952

3. Giá vốn hàng bán

Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
-----------------	-----------------

Giá vốn của thành phẩm, vật tư đã bán	82.693.153.866	123.701.484.178
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.509.672.657	12.248.237.687
Cộng	92.202.826.523	135.949.721.865

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
-----------------	-----------------

Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	818.125.267	15.639.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	179.400.000	137.400.000

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	380.075
Doanh thu hoạt động tài chính khác.	-	173.702
Cộng	997.525.267	153.592.882
5. Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.058.228.307	4.038.624.308
Cộng	3.058.228.307	4.038.624.308
6. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập khác	7.272.728	8.884.548
Thu nhập từ thanh lý tài sản	56.363.636	240.909.091
Thu tiền lãi chậm thanh toán	161.100.006	142.191.083
Cộng	224.736.370	391.984.722
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	12.561.018.968	31.202.091.751
Chi phí nhân viên quản lý	6.022.216.703	5.750.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	168.302.924	123.704.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.652.954	486.402.301
Thuế, phí và lệ phí	3.465.460.205	2.541.248.768
Chi phí dự phòng	-	18.523.473.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	737.536.038	1.596.283.410
Chi phí bằng tiền khác	2.150.850.144	2.180.979.651
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	7.063.561.655	7.734.029.164
Chi phí nhân viên	2.057.292.767	2.250.179.656
Chi phí vật liệu, bao bì	280.320.339	465.106.860
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	250.706.835	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.485.792	148.971.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.278.624.450	3.490.549.787
Chi phí bằng tiền khác	1.002.131.472	1.379.221.439
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(200.280.763)	-
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	(200.280.763)	-
Tổng cộng	19.424.299.860	38.936.120.915

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.578.536.058	72.011.239.153
Chi phí nhân công	25.757.105.342	27.313.395.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.307.353.542	2.551.977.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.319.413.388	10.840.354.927
Chi phí khác bằng tiền	6.271.637.037	6.146.412.967
Cộng	120.234.045.367	118.863.379.506
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	136.747.762.536	186.758.746.397
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	179.400.000	137.400.000
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	114.685.354.690	178.791.260.521
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	133.206.567
Lỗi được chuyển từ các kỳ trước	-22.062.407.846	-7.967.485.876
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
10. Lãi /(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.241.807.846	7.971.679.309
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.241.807.846	7.971.679.309
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.392.603	4.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.008,66	1.832,57
VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	74.899.229.826	130.520.545.390
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	95.096.129.992	147.192.725.931

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1
 Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2
 Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
 Hà Đình Minh
 Bùi Quốc Bảo
 Đỗ Văn Chính
 Ngô Thế Giang
 Lê Huy

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Cổ đông
 Chủ tịch HĐQT
 Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
 Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT
 Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT
 Phó Tổng giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	8.820.461.842	10.589.478.491
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	2.614.641.626	6.379.368.565
Thu nhập khác		
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 1	95.200.395	41.827.612
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari 2	65.899.611	69.300.165
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	1.587.623.819	674.624.928
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	15.112.730	40.607.910
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	-	14.082.000
Số dư với các bên liên quan	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 1	6.505.794.146	4.011.257.581
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary 2	1.759.234.301	3.206.352.902
Các khoản phải trả người bán		
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	-	2.288.926.363
Các khoản vay	186.307.939	5.204.481.617
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	-	2.000.000.000
Hà Đình Minh	126.423.841	2.517.603.573
Ngô Thế Giang	-	201.171.906
Bùi Quốc Bảo	59.884.098	485.706.138
Lê Huy	127.091.803	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương, thưởng	2.296.339.000	1.858.564.250
Cộng	2.296.339.000	1.858.564.250

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu [các cổ đông] thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay	20.170.596.691	40.367.496.857
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.854.567.730)	(1.118.265.347)
Nợ thuần	12.316.028.961	39.249.231.510
Vốn chủ sở hữu	102.408.967.240	4.107.126.058
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	12%	956%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.854.567.730	1.118.265.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.700.721.442	35.331.173.522
Các khoản đầu tư tài chính	18.313.958.333	100.000.000
Cộng	58.869.247.505	36.549.438.869

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Công nợ tài chính**

Các khoản vay	20.170.596.691	40.367.496.857
Phải trả người bán và phải trả khác	9.799.070.462	18.914.349.280
Chi phí phải trả	2.094.017.732	3.736.387.726

Cộng

32.063.684.885	63.018.233.863
-----------------------	-----------------------

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	5.414.895	11.242.084

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	9.799.070.462	-	9.799.070.462
Chi phí phải trả	2.094.017.732	-	2.094.017.732
Các khoản vay	20.170.596.691	-	20.170.596.691
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	18.914.349.280	-	18.914.349.280
Chi phí phải trả	3.736.387.726	-	3.736.387.726
Các khoản vay	40.367.496.857	-	40.367.496.857

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.854.567.730	-	7.854.567.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.700.721.442	-	32.700.721.442
Các khoản đầu tư tài chính	-	18.313.958.333	18.313.958.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.118.265.347	-	1.118.265.347
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.331.173.522	3.000.000.000	35.331.173.522
Các khoản đầu tư tài chính	-	100.000.000	100.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM - HUNGARI

Người lập



Nguyễn Thị Thúy Huyền

Kế toán trưởng



Ngô Thế Giang



Tổng giám đốc

Bùi Quốc Bảo

